

Số: 815 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 30 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4265/TTr-STNMT ngày 19/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này ban hành Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2020.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *l. x. h. h.*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ TNMT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NL, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiến Đông
Đỗ Tiến Đông

KẾ HOẠCH

Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 815 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Để có cơ sở triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; thực hiện tốt Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai; chuẩn bị tốt cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường thống nhất trong toàn ngành, để hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh được cập nhật thường xuyên, để khai thác và sử dụng phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường và đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, phòng tránh thiên tai và bảo vệ môi trường; đáp ứng thông tin cho nhu cầu sử dụng của cộng đồng trong hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học; từng bước thực hiện chiến lược kinh tế hoá ngành tài nguyên và môi trường.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường và mẫu vật phải khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương nhằm đảm bảo dữ liệu được thu thập chính xác, đầy đủ, có hệ thống.

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên thông tin, dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

Thực hiện thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các quy định của Pháp luật có liên quan.

II. NỘI DUNG

1. Nhiệm vụ

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ban, ngành liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt và Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; các quy định của Pháp luật có liên quan.

- Bố trí kinh phí phù hợp cho công tác lưu trữ; công tác thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường; thực hiện việc thu chỉnh lý hồ sơ, số hoá tài liệu để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi khai thác thông tin, dữ liệu hiệu quả, gia tăng giá trị thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên trang thông tin điện tử Sở tài nguyên và môi trường.

2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Về khối lượng hồ sơ tài liệu, thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường thực hiện năm 2020

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong năm 2020 chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt công tác thu thập thông tin dữ liệu, chỉnh lý, số hóa hồ sơ tài liệu và báo cáo theo từng danh mục, số lượng cụ thể về Sở Tài nguyên và Môi trường qua Trung tâm Công nghệ thông tin.

3.1. Số lượng hồ sơ tài liệu thu thập, chỉnh lý và số hoá của Phòng Tài nguyên và Môi trường và Trung tâm Công nghệ thông tin, như sau:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ tồn đọng từ trước chuyển sang (mét)	Kế hoạch thực hiện năm 2020		
			Thu thập hồ sơ (mét)	Chỉnh lý hồ sơ (mét)	Số hóa hồ sơ (hồ sơ)
01	Thành phố Pleiku	15	10	15	120.000
02	Thị xã Ayun Pa	5,41	1,2	5,41	0

03	Thị xã An Khê	08	02	10	3.000
04	Huyện Đak Đoa	55	02	55,5	0
05	Huyện Mang Yang	35	05	38	0
06	Huyện Đak Pơ	1,5	0,5	0	0
07	Huyện Kông Chro	11	02	12	0
08	Huyện K'Bang	34,5	01	10	1.500
09	Huyện Krông Pa	06	02	0	2.000
10	Huyện Phú Thiện	4,5	01	04	1.500
11	Huyện Ia Pa	13	02	15	0
12	Huyện Chư Sê	13	02	15	0
13	Huyện Chư Puh	13	05	08	1.057
14	Huyện Chư Prông	30	1,5	10	0
15	Huyện Đức Cơ	05	05	05	17.250
16	Huyện Ia Grai	36	02	36	0
17	Huyện Chư Păh	02	05	0	10.000
18	Trung tâm CNTT	20	05	20	0
Tổng cộng		307,91	54,20	258,91	156.307

3.2. Số lượng hồ sơ, tài liệu thu thập, chỉnh lý và số hoá của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, như sau:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ tồn động từ trước chuyển sang (mét)	Kế hoạch thực hiện năm 2020		
			Thu thập hồ sơ (mét)	Chỉnh lý hồ sơ (mét)	Số hóa hồ sơ (hồ sơ)
01	CN Tp. Pleiku	410	40	20	10.000
02	CN Thị xã Ayun Pa	58,6	6	6	0
03	CN Thị xã An Khê	130	24	10	1.500

04	CN Huyện Đak Đoa	141	20	41	0
05	CN Huyện Mang Yang	80	3	5	0
06	CN Huyện Đak Pơ	60,6	5,2	5,2	2.100
07	CN Huyện Kông Chro	29,9	5	6,5	0
08	CN Huyện K'Bang	27,5	4	7	1.500
09	CN Huyện Krông Pa	29,56	8,5	7	0
10	CN Huyện Phú Thiện	28,35	12,5	5	0
11	CN Huyện Ia Pa	23	2	4	0
12	CN Huyện Chư Sê	138	15	5	0
13	CN Huyện Chư Puh	80	5	7	2.000
14	CN Huyện Chư Prông	49	15	15	0
15	CN Huyện Đức Cơ	77	10	10	0
16	CN Huyện Ia Grai	40	10	12	0
17	CN Huyện Chư Păh	41	18	16	0
18	VP đăng ký đất đai tỉnh	28,2	5	7	0
Tổng cộng		1.471.71	208,20	188,70	17.100

4. Các hoạt động về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

4.1. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường: cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hoặc thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có được trong quá trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm giao nộp theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận giao nộp sản phẩm của đơn vị tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ nghiệm thu tổng thể dự án và phê duyệt quyết toán dự án theo quy định.

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng cho nhà nước phục vụ lợi ích chung của đất nước.

Thu thập, cập nhật danh mục thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý. Khuyến khích, tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đang sở hữu.

Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước và các hoạt động khác có liên quan đến thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thu thập, tạo lập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, trong thời hạn chậm nhất 03 (ba) tháng kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho đơn vị được giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định).

4.2. Sở Tài nguyên và Môi trường có kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai, thực hiện Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

- Việc quản lý, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

- Tất cả các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp lưu trữ, bảo quản, bảo vệ phù hợp, bảo đảm an toàn.

- Công tác quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công bố, cung cấp sử dụng: Thu thập thông tin, dữ liệu đưa vào lưu trữ, bảo quản; Chính lý, tu bổ, phục chế thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Tổ chức xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường phục vụ tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài; Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin quản lý, cung cấp, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Việc cung cấp, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân phải theo đúng quy định của pháp luật.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi khai thác thông tin, dữ liệu hiệu quả, gia tăng giá trị thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; kết

nổi chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường; đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng.

Phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường cần thu thập, ước tính khối lượng tài liệu thu thập và lập kế hoạch của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương và thời gian giao nộp, cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Thời gian hoàn thành trước ngày 15 tháng 9 năm 2020 gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua Trung tâm Công nghệ thông tin để tổng hợp, báo cáo và xây dựng kế hoạch.

4.3. Các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phải cung cấp và báo cáo các thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được xây dựng, chỉnh lý, số hóa về Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ cho các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thực hiện các nội dung thu thập, quản lý, khai thác thông tin, dữ liệu, xử lý chuẩn hoá dữ liệu về tài nguyên và môi trường; lập danh mục thông tin thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường để đăng trên trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật và lưu trữ thông tin, dữ liệu đã được thu thập đúng quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của cơ quan, đơn vị lập gửi về Sở Tài chính theo đúng thời gian quy định, Sở Tài chính cân đối theo khả năng ngân sách, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Các Sở, ban, ngành có liên quan

Bố trí kinh phí trong dự toán được giao để thực hiện Kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; phối hợp lập Danh mục và thống kê dữ liệu về tài nguyên và môi trường có được qua hoạt động của ngành; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

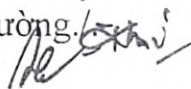
- Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường và các phòng ban chuyên môn liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp

thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt; thống kê, thu thập, phân loại, cập nhật, xử lý, chuẩn hoá thông tin, dữ liệu, chỉnh lý tài liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cân đối nguồn kinh phí để phân bổ cho phòng Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện theo kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng, chia sẻ và xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường trên địa bàn do nguồn ngân sách Nhà nước cấp.

Yêu cầu Giám đốc các Sở, thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2020.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiên Đông